

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15 -5- 2020
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân.

Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Trúc Y, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường TPX, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường TPX, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Trúc Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc B sống chung vào năm 2006, có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm chăm sóc gia đình còn thường xuyên vô cớ đánh chị và do mâu thuẫn giữa vợ chồng trong chi tiêu kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B và không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc B.

Về con chung: Chị Nguyễn Trúc Y xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 05/02/2008; Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/01/2016, hiện các con đang sống chung với chị và anh B. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai người con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Trúc Y khai có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Trúc Y khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

- *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 17/3/2020 và tại phiên Tòa Nguyễn Ngọc B trình bày:* Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn đúng như chị Y trình bày. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình nhưng mâu thuẫn này theo anh là không lớn và trầm trọng đến mức dẫn đến ly hôn. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị Y và mong muốn được hàn gắn về chung sống để cùng chăm lo cho con. Do đó anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y.

Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc B xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 05/02/2008; Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/01/2016, hiện các con đang sống chung với chị Y và anh B. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh yêu cầu được nuôi cả hai người con và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B khai có nhưng vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh B khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Do bận công việc không thể đến Tòa án nên anh B yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh B có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Y và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị Y và anh B đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống chị Y xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn. Về phía anh B cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị Y nên có mong muốn được hàn gắn. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải đã giải thích và hòa giải đoàn tụ nhưng chị Y vẫn cương quyết xin ly hôn và tại phiên tòa chị Y xác định không còn tình cảm với anh B. Nếu Tòa án không chấp nhận cho chị Y hôn chị cũng không về chung sống với anh B. Mặt khác, do chị Y và anh B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy

định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh B không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y cho chị Y được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Chị Y và anh B xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trúc A, sinh ngày 05/02/2008; Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 21/01/2016, hiện các con đang sống chung với chị Y và anh B. Khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặc khác, không phải giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Con chung của anh B và chị Y hiện còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, anh B cũng có mong muốn được nuôi dạy con chung và rất yêu thương con nhưng cho dù anh B có chăm sóc cháu như thế nào thì cũng không chu đáo bằng sự chăm sóc, đồng cảm và chia sẻ của người mẹ. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận nguyện vọng cháu Nguyễn Trúc A khi cha mẹ ly hôn vào ngày 13/02/2020, cháu A cũng có mong muốn được chung sống với mẹ là chị Y vì cha thường xuyên đi làm không có thời gian để chăm sóc. Cha mẹ ly hôn luôn làm cho tâm lý của con bị ảnh hưởng, nên để các cháu có sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần vì việc anh B, chị Y ly hôn đã phần nào xáo trộn tâm lý, cuộc sống bình thường của các cháu nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng tâm lý, cuộc sống của các cháu theo quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình thì nếu con đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Đối với cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/01/2016 hiện còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, sau khi xem xét Hội đồng xét xử thấy giao cháu Nguyễn Trúc A và Nguyễn Ngọc D cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Mặc dù, giao con cho chị Y nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị Y gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh B thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh B vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Y và anh B xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Y và anh B khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Y phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, 15, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trúc Y.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Trúc Y và anh Nguyễn Ngọc B là vợ chồng.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Trúc A, sinh ngày 05/02/2008; Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 21/01/2016 cho chị Nguyễn Trúc Y trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Nguyễn Ngọc B. Anh Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ giao các cháu Nguyễn Trúc A và Nguyễn Ngọc D cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Trúc Y phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 10/02/2020, Chị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001388 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Ly có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bi vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân

